

TỤC NHẤT THIẾT KINH ÂM NGHĨA

QUYỂN 7

Quyển 7 này giải thích ba mươi bảy bộ gồm bốn mươi một quyển như sau:

- Tục Âm Nhân Vương Bát-nhã Ba-la-mật Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển
- Du Già Liên Hoa bộ Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Hộ Ma Nghi Quĩ - một quyển
- Quán Tự Tại Đa La Niệm Tụng Nghi Quĩ - một quyển
- Quán Tự Tại Như Ý Luân Bồ-tát Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Cam Lộ Quân Trà Lợi Bồ-tát cúng dường Niệm Tụng Nghi - một quyển
- Ba Mươi Bảy Tôn Lễ Sám Văn Nghi - một quyển
- Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Tán Pháp Thân Lễ - một quyển
- Đô Bộ Đà-la-ni mục - một quyển
- Kim Cang Thọ Mạng Đà-la-ni Niệm Tụng Pháp - một quyển
- Đại Phương Quảng, Phật Hoa Nghiêm Kinh Nhập Pháp Giới Bốn Mươi Hai Tự Quán Môn - một quyển
- Quán Tự Tại Bồ-tát Chân Ngôn Quán Hạnh Nghi Quĩ - một quyển
- Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát Phật Sát Công Đức Trang Nghiêm Kinh - ba quyển
- Đại Lạc Kim Cang Tát Đỏa Tu Hành Nghi Quĩ - một quyển
- Thành Tựu Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Vương Du Già Nghi Quĩ - một quyển
- Đại Lạc Xoa Nữ Hoan Hỷ Mẫu Tinh Ái Tử Thành Tựu Pháp - một quyển
- Kim Cang Đảnh Du Già Kim Cang Tát Đỏa Niệm Tụng Nghi - một quyển
- Phổ Biến Quang Minh Vô Năng Thắng Đại Minh Vương Đại

Tùy Cầu Đà-la-ni Kinh - hai quyển

- Thánh Ca-ni Phần Nộ Kim Cang Đồng Tử Thành Tự Nghi Quĩ

Kinh - ba quyển

- Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Giáo Vương Kinh Kim Sí Điều Vương

Phẩm - một quyển

- Ngũ Tự Đà-la-ni Tụng - một quyển

- Bất Không Quyên Tác Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn Kinh

- một quyển

- Kim Cang Đảnh Siêu Thắng Tam Giới Văn Thù Ngũ Tự Chân

Ngôn Thắng Tướng - một quyển

- Kim Cang Thủ Quang Minh Vô Động Tôn Đại Oai Vệ Vương

Niệm Tụng Nghi - một quyển.

- Quán Tự Tại Đại Bi Thành Tự Liên Hoa Bộ Niệm Tụng Pháp

- một quyển

- Quán Tự Tại Như Ý Luân Du Già - một quyển

- Tu Tập Bát-nhã Ba-la-mật Bồ-tát Quán Hạnh Niệm Tụng Nghi

- một quyển

- Kim Cang Đảnh Tha Hóa Tự Tại Thiên Lý Thú Hội Phổ Hiền

Nghi Quĩ - một quyển

- Mật Chi Đề Ba Hoa Linh (mau) Kinh - một quyển

- Kim Luân Phật Đảnh Yếu Lược Niệm Tụng Pháp - một quyển

- Đại Khổng Tước Minh Vương Họa Tượng Đàn Nghi - một

quyển

- Du Già Kim Cang Đảnh Thích Tự Mẫu Phẩm - một quyển

- Đại Thánh Thiên Song Thân Tỳ-na-da-ca Pháp - một quyển

- Nhân Vương Bát-nhã Đà-la-ni Thích - một quyển

- Kim Cang Đảnh Du Già Giáng Tam Thế Cực Tam Mật Môn

- một quyển

- Đại Thừa Duyên Sanh Luận - một quyển

NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ BA LA MẬT NIỆM TỤNG NGHI QUI (1 quyển)

Toản lịch - dây lụa đỏ cột lại, biên tập.

Nãi tích - vua bèn mời đến. Lương bí - tên của vị Sư dịch Nhân Vương Kinh.

Thường cố - áo lễ phục của vua, áo cố, Thường Cố là tên họ Nhuận của Hàn Lâm Học Sĩ.

DU GIÀ LIÊN HOA BỘ NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Hộ xu là then gài cửa - Trụ ngọc - cửa sông
 Bạch khai - mở ra, bửa ra. Liên tủa - khóa liền nhau.

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ HỘ MA NGHI QUĨ (1 quyển)

Trì thù - vác mai. Tôn cứ - ngồi xoạc chân ra.
 Khuất lâu thảo - giống mầm cỏ tranh vểng mà mọc lan ra.
 Cán nhất tiêu - cái muỗng múc nước (?) cái máng tháo nước?

QUÁN TỰ TẠI ĐA LA NIỆM TỤNG NGHI QUĨ (1 quyển)

A-xà-thế - tiếng Phạm, À-già-lê, gọi đúng là A-chiết-ly-da dịch là Thần giáo, tức hay dạy trao các học sinh khác.

Tê yêu - xương sống, eo lưng. Nhị không - hai không, hai ngón tay cái.

**QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN BỒ TÁT NIỆM TỤNG PHÁP
(1 quyển)**

Hổ lang - cọp sói. Già tủa - gông cùm (gông ở cổ cùm ở chân).
 Chỉ kiểu - (chỉ dước?) - Chỉ rõ.

**CAM LỘ QUÂN TRÀ LỢI BỒ TÁT CÚNG DƯỜNG
NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)**

Tẩy dịch - rửa sạch, dẹp sạch. Khiên cửu - tội lỗi, tai ương.
 Linh đạt - chuông nhỏ. Linh là cái chuông nhỏ, đạt là cái chuông cái dái bằng gỗ.

Giá ngự - tiết chế cả phương xa.

Ô-xu-sắc-ma - tiếng Phạm, Ô-xu-sa-ma xưa dịch là Uế Tích Kim Cang. Lời phương Bắc có lỗi như chê hủy các Thánh. Mới dịch làm bậc tôn quý để trừ uế phần nộ. Nghĩa là lấy Tuệ Kim Cang hiện ra thân oai vệ giện dữ để hàng phục các loài hữu tình khó điều phục.

Ngạo đấng - tự cao và nói dối. Xú uế - hôi hám, hôi thúi.

BA MƯƠI BẢY TÔN LỄ SÁM VĂN NGHI (1 quyển)

Diệu phim - Thường, đếm? - Đại Thánh Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát
Tán Pháp Thân Lễ - một quyển

Ngự vũ - là hoàn vũ, lớn, ở một bên (bên cạnh?)

Ốc đấng - Ốc là rót, dịch - rửa sạch, lay động.

ĐÔ BỘ ĐÀ LA NI MỤC (1 quyển)

Bành Địa - mở mang, cao vót văn kinh (?)

Vô-ma-hô - tiếng Phạm dịch là diệu tý

KIM CANG THỌ MẠNG ĐÀ LA NI NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Ma-hê-thủ-la - tiếng Phạm dịch là Đại Tự Tại Thiên Sắc Cứu Cánh.

Ốt-tô - Ốt là những vật vào nước, Tô là làm Tô.

Trịch ư - ném đi.

**ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH NHẬP
PHÁP GIỚI BỐN MƯƠI HAI TỰ QUÁN MÔN (1 quyển)**

Đã tự giải thích bốn mươi hai tiếng Phạm không ghi ra đây.

**QUÁN TỰ TẠI BỒ TÁT TÂM CHÂN NGÔN QUÁN
HẠNH NGHI QUỸ (1 quyển)**

Thân bí - cáo áo áp vai của con gái khi về nhà chồng.

Khinh học - học là giống lụa mà mịn hơn.

Giao phùng - may khâu vào nhau, chắp vá.

**ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SỬ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT
CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 1**

Môn khốn - cây chặn cửa, cây gài cửa.

Thương khư - được (?), tức chỗ thổi pháp được ?

Trùng túy - nước lắng trong suốt.

Xa-ma-tha - tiếng Phạm dịch là Chỉ, tức tâm tịch tịnh tức Định.

Phi hoàn - lấy thân mặc xuyên áo giáp.

Cảnh khái - ho, hoặc tiếng một nhạc khí.

Biến môn - sờ mó, cầm nắm khắp

Hiểm bỉ - chỗ gian dối nguy hiểm

Thô quanh - kẻ dữ chớ nên gần.

**ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SỬ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT
CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 2**

Diên sức - cái hoa bèo làm bằng vàng là đồ trang sức của phụ
nữ.

Chuẩn thẳng - mực thước phải noi theo.
Hy di - vui hòa, vui vẻ.

**ĐẠI THÁNH VĂN THÙ SỬ LỢI BỒ TÁT PHẬT SÁT
CÔNG ĐỨC TRANG NGHIÊM KINH
QUYỂN 3**

Tô-di-lự - xưa gọi là Tu-di, dịch là núi Diệu cao.

Du-thiện-na - xưa gọi là do-tuần, hoặc Du-xà-na, là khoảng xa của Thánh vương đi trong một ngày, tức (?) dặm, mười sáu dặm hoặc ba mươi là của ngài Huyền Trang trình lên vua Đường Thái Tông.

Bì yểm - mỗi một, biếng lười.

Ma-già-đà - tiếng Phạm, hoặc gọi Ma-kiệt-đà hay Ma-kiệt-đê hoặc Hắc-kiệt-đê, dịch là Vô Độc Hại. Nước này không giết người, nếu ai phạm tội chết thì đưa vào núi Tuyết. Nước này thống lãnh các nước khác ở Ấn Độ lại dịch khắp thông tuệ vì nước này có nhiều người thông tuệ.

Nhất bà ha - là đấu nhau.

ĐẠI LẠC KIM CANG TÁT ĐOÀ TU HÀNH NGHI QUĨ (1 quyển)

Trí khố - để dưới hang. Trắc lệ - vắn bẻ qua một bên.

Loan cung - kéo cong cây cung, bắn tên.

Không hầu - tên một nhạc khí thổi.

**THÀNH TỰU DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VƯƠNG DU GIÀ NGHI QUĨ (1 quyển)**

Du-già - tiếng Phạm, gọi là Du-kỳ, Dữu-ngạ dịch là Tương ứng.

Xét Đại luận nói có bốn thứ tương ứng là Thừa tương ứng, Cảnh tương ứng, Hạnh tương ứng, Quả tương ứng.

Ký phiệt - một giống rau thơm (?) (phân phiệt giống thì là).

Xa-ma-tha - tiếng Phạm dịch là chỉ.

Tỳ-bát-xá-na - tiếng Phạm, dịch là Quán. Chỉ là Định, Quán là Tuệ.

Châu chữ - châu là có thể ở trong nước, chỉ tức các bãi nhỏ giữa sông, châu chữ là đất ven bờ nước.

Khiếm hãm - thiếu kém, tiêu mất.

Điệm hạ - yếu kém, thấp xuống.

Tạp sáp - trông cấm các thứ tạp nhạp.

ĐẠI DƯỢC XOA NỮ HOAN HỖ MẪU TINH ÁI TỬ THÀNH TỰU PHÁP (1 quyển)

Chân Đa-ma-ni - tiếng Phạm hoặc gọi chấn Đa-mạt-ni, thật Đa-ma-ni tức là châu như ý, châu ma ni.

Tự ngư - con trâu cái. Cam thúy - thịt người chết rã lại chưa hư miệng ngậm cam?

Mộng寐 - ngủ nghê -寐 thì ngủ mà có thứ. Mộng là nằm mơ do ngày tháng mà đoán kết hung mông 01 là chánh, mông 02 (?), mông 03 là lo (tử), mông 04 là ngộ, mông 05 là mừng, mông 06 là sợ. Mị là dứt.

Lỗ-địa-la - tiếng Phạm là máu.

Khích tống - (?).

KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ KIM CANG TÁT ĐỎA NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Mãng tự - tiếng vô nghĩa. Mãng là hình ảnh do tiếng Phạm, cẳng là tiếng vô nghĩa.

Tiếp nhuận lông mi - máy động - máy mắt?

**PHỔ BIẾN QUANG MINH VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH
VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 1**

Da-thâu-du-đà-la - tiếng Phạm hoặc gọi Da-tu-ất-đạt-la, gọi đúng là Dĩ-tuất-đa-la, tức là trì hưởng (nghe ? (tạp?) tiếng vang?)

Niết tổn - cắn đứt.

Phiệt-la-nại-tư - hoặc gọi Ba-la-ni-tư hoặc Ba-la-nại, là tên một nước ở Tây Vực.

Lôi điển - sấm sét. Tích lịch - sét đánh bất ngờ.

Văn manh - muỗi mòng ruồi nhặng. Hoàng trùng - tên một loài sâu hại lúa.

Hạn lạo - hạn hán và ngập lụt.

**PHỔ BIẾN QUANG MINH VÔ NĂNG THẮNG ĐẠI MINH
VƯƠNG ĐẠI TÙY CẦU ĐÀ LA NI KINH
QUYỂN 2**

Việt phủ - lưỡi búa. Cảnh ngạc - sợ hãi kinh ngạc.

Phích địa - là đánh vỡ, gõ. Thiêu mạch là vượt qua.

**THÁNH CA NI PHẢN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ
THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỂN 1**

Phước phác - trói cột và đánh đập. Càn táo - khô ráo.

Tô-ma-hô - tiếng Phạm dịch là Diệu tý (cánh tay cao quí)

Khuru dẫn - con giun. Ngư niệu - nước đáí trâu bò.

Bác dung - tay chân của người làm thuê, tay chân tầm thường (?)

Bình thoán - chạy trốn mất

**THÁNH CA NI PHẢN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ
THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỂN 2**

Yêu thảo - lấy tơ dệt thành dây, là cái quai thao.
Ốt-lỗ-địa-la - tiếng Phạm dịch là máu.
Tự hoại - hư nát. Ngoan đà - con giải và con giống cá sấu.
Qui miết - rùa và ba ba. Cấm khẩu - miệng không nói được.
Hoa bì - là da cây hoa, làm thuốc chấy rất sáng.
Man đăng - đưa mọc lên, tức cây đăng la.

**THÁNH CA NI PHẢN NỘ KIM CANG ĐỒNG TỬ
THÀNH TỰU NGHI QUỶ
QUYỂN 3**

Sở niết - chỗ cắn, bị cắn. Khu tản - chạy vội, đuổi theo, đuổi đi.
Tam (tham?) tử - đầu cấm ?. Tiển tộc - cáo mũi nhọn bịt đầu mũi
tên.
Cước xác là xiềng chân.

**THÁNH DIÊM MẠN ĐỨC CA OAI NỘ VƯƠNG LẬP THÀNH
ĐẠI THẦN NGHIÊM TỤNG PHÁP (1 quyển)**

Sóc ấn - cái mâu dài trượng tám gọi là sóc. Ấn là cái ấn phù, ấn
tín.

Huyền hoặc nhật - là sao Hỏa tinh tụ nhật - có tên khác là phạt
tinh đường kính bảy mươi dặm sắc nó sáng tỏ, đi hai năm hết một vòng
trời.

Xả-đô-lô - tiếng Phạm hoặc gọi Xuất-đổ-lỗ hay Thiết-khuất-lỗ
dịch là oan gia (kẻ thù).

**VĂN THÙ SỬ LỢI CĂN BẢN GIÁO VƯƠNG KINH
KIM SÍ ĐIỀU VƯƠNG PHẨM (1 quyển)**

Tiêu xí - cờ xí phướn bằng cờ lụa.
Tiển sái - rải tưới, nước nước. Ý dĩ - hạt bo bo.
Anh thiêu - đốt sáng.

NGŨ TỰ ĐÀ LA NI TỤNG (1 quyển)

Tủng lặc - sợ run, sợ lấm. Thế khắp - khóc lóc.
Thử-na - tiếng Phạm, là nước trong.

**BẤT KHÔNG QUYÊN TÁC ĐẠI QUÁN ĐẢNH
QUANG CHÂN NGÔN KINH (1 quyển)**

Xà-yết - rắn rít trùng độc.
Mễ-đà-là - tiếng Phạm là thầy người chết.

**KIM CANG ĐẢNH SIÊU THẮNG TAM GIỚI VĂN THÙ
NGŨ TỰ CHÂN NGÔN THẮNG TƯỚNG (1 quyển)**

**KIM CANG THỦ QUANG MINH VÔ ĐỘNG TÔN ĐẠI OAI
NỘ VƯƠNG NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)**

Toán sở - bệnh đau xương, phong thấp.
Phù dung - tức là hoa sen, nhưng khi sen chưa nở thì gọi là phù
dung khi nở rồi thì gọi là hàm đạm.
Bà-ngạ-sư - tiếng Phạm, xưa gọi là Bà-già-phạm, Bà-già-bà,
hoặc Bà-già-bạn, tức là Thế Tôn.
Thước-ngật-đế - tiếng Phạm, dịch là kích cầm ở tay. Thước-ngật-

để tức là Oai Nộ Vương cầm cây kích dài ở tay.

Phược-nhật-la - tiếng Phạm, xưa gọi Phạt-xà-la, Bạt-chiết-la, dịch là Kim cang, hoặc Vô Động Tôn Sở Trì Kim Cang Trì là đó.

QUÁN TỰ TẠI ĐẠI BI THÀNH TỰU LIÊN HOA BỘ NIỆM TỤNG PHÁP (1 quyển)

Khang bỉ - vỏ trấu. Cức thứ - gai nhọn.

Trương tai - Trương là cánh tay, tai là gò má.

Tiến túc - Tiến là đạp chân xuống, túc là đỡ chân lên.

Ứng đạp - bước đi là chân đạp, ứng đạp là bước đi

Ôi bội - là tơ năm sắc ngọc bội

Hương nhuy (tuy) - dây leo mũ thơm tho.

Phân uân - phân là khí xấu, uân là khí trời đất hòa hợp (khí tốt)

Hoàn giáp - đeo vòng vàng, vàng xỏ lỗ tai?

QUÁN TỰ TẠI NHƯ Ý LUÂN DU GIÀ (1 quyển)

Nhàn (gian) cốc - gian là khe hẹp có nước. Cốc là hang núi.

Khỏa hình - trần truồng.

TU TẬP BÁT NHÃ BA LA MẬT BỒ TÁT QUÁN HẠNH NIỆM TỤNG NGHI (1 quyển)

Xế kích - kéo đánh.

**KIM CANG ĐẢNH THA HÓA TỰ TẠI THIÊN LÝ THỨ
HỘI PHỔ HIỀN NGHI QUỶ (1 quyển)**

Ngẫu ti - tơ ngó sen. Giáp thao - là áo giáp và dây thao tơ (tức quan vũ quan văn?)

MẠT LÝ CHI ĐỀ BÀ HOA MAN KINH (1 quyển)

Chỉ giảo - chỉ là ngón tay. Giảo là quậy, khuấy, lấy ngón tay khuấy là chỉ giảo

Cấp-thạp - tiếng Phạm là ngựa chạy nhanh.

Hộc thọ - tên cây hộc, là giống cá tòng mà nhỏ hơn.

**- KIM LUÂN PHẬT ĐẢNH YẾU LƯỢC NIỆM TỤNG PHÁP
(1 quyển)**

**- ĐẠI KHỔNG TƯỚNG MINH VƯƠNG HỌA TƯỢNG ĐÀN NGHI
(1 quyển)**

**- DU GIÀ KIM CANG ĐẢNH THÍCH TỰ MÃU PHẨM (1 quyển)
(Ba quyển trên không có chữ để giải thích)**

**ĐẠI THÁNH THIÊN SONG THÂN TỶ NA DẠ CA PHÁP
(1 quyển)**

Tỳ-na-dạ-ca - tiếng Phạm, dịch là Chương Ngại Thân, nghĩa là hiện thân đầu người có thể chương ngại tất cả các sự nghiệp thù thắng.

Đồng thược - cái muỗng bằng đồng.

Quan (loan?) Du - đầu quan? La Bạc - củ cải trắng.

- **NHÂN VƯƠNG BÁT NHÃ ĐÀ LA NI THÍCH (1 quyển)**

- **KIM CANG ĐẢNH DU GIÀ GIÁNG TAM THỂ
CỤC TAM MẬT MÔN (1 quyển)**

(hai quyển trên không có chữ giải thích).

